

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2018/HSST

Ngày: 23/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bạ và bà Phan Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2018/TLST - HS ngày 09/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST - HS ngày 09/5/2018 đối với bị cáo:

Bùi Thị D, sinh ngày 23/10/1995.

Nơi cư trú: Xóm B, xã E, huyện L, tỉnh Hòa Bình;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn T và con bà Bùi Thị D; Chồng: Lê Tất Th (Đã ly hôn); Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2018 đến ngày 19/01/2018. Quyết định thay thế biện pháp tạm giữ ngày 19/01/2018 bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lưu Công T, sinh năm 1990.

2. Bùi Trung D1, sinh 1995.

Đều có HKTT: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. Nguyễn Ngọc D2, sinh năm 1997.

HKTT: Thôn O, xã K, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. Đặng Đình M, sinh năm 1979

HKTT: Xóm Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 09/01/2018 Bùi Thị D, sinh năm 1995, HKTT: Xóm B, xã E, huyện L, tỉnh Hòa Bình cùng Lưu Công T, sinh năm 1990 và Bùi Trung D1, sinh năm 1995 cùng HKTT: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình ăn cơm tại nhà hàng B, sau khi ăn cơm xong D, T và D1 đi hát Karaoke tại quán cà phê Đ ở Miếu Môn, Trần Phú, Chương Mỹ, Hà Nội. Trong khi hát karaoke thì T đặt vấn đề với D là T và D có nhu cầu mua dâm. Vì trước khi gặp D thì T và D1 đã thống nhất về việc đi gặp D để đặt vấn đề mua dâm. D đồng ý và gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc D2, sinh năm 1997, HKTT: Thôn O, xã K, huyện L, tỉnh Hòa Bình nói có bạn muốn đi chơi, D2 có đi được không thì xuống cà phê Đ hát Karaoke rồi đi. D2 đồng ý. Sau đó D nói với T giá một lần quan hệ tình dục (mua bán dâm) là 1.500.000đồng/một người, T đồng ý. Một lúc sau D2 đến quán cà phê Đ gặp D, tại đây D bảo với D2 đi xuống nhà nghỉ M ở xóm Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình trước đợi. D, T và D1 xuống sau. D2 đồng ý đi xuống nhà nghỉ M trước, một lúc sau D, T, D1 xuống nhà nghỉ M, D bảo chủ nhà nghỉ cho thuê 02 phòng, chủ nhà nghỉ đưa chìa khóa phòng 301 và 302. Cả ba người cùng đi lên nhận phòng, lúc này D gọi điện thoại cho D2 và gặp nhau ở cầu thang nhà nghỉ. D bảo D2 vào phòng 302 để quan hệ tình dục (bán dâm) với D1 và nói sau khi quan hệ tình dục xong nếu D1 đưa tiền thì cứ nhận, nếu chưa đưa tiền thì D sẽ trả cho D2 là 1.000.000đồng (Một triệu đồng). D2 đồng ý và đi vào phòng 302 bán dâm cho D1. Còn D đi vào phòng 301 bán dâm cho T. Khi vào phòng 301 thì T đưa cho D số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) để trả cho việc T và D1 mua dâm D và D2. Giữa T và D thỏa thuận là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho một lần quan hệ tình dục (mua bán dâm) một người, nhưng T trả thêm cho D và D2 mỗi người 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng). D nhận tiền và cất vào túi quần. Trong khi D và T đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 301 thì bị Công an huyện Lương Sơn kiểm tra bắt quả tang. Cùng lúc này D1 và D2 cũng bị bắt quả tang về hành vi mua bán dâm tại phòng 302.

* Vật chứng vụ án:

- Số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) trong đó 3.000.000đồng là tiền bán dâm của D và D2 và 1.000.000đồng tiền môi giới mại dâm.

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1208 màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA 105, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Cáo trạng số 15/ CT - VKSLS ngày 09 tháng 4 năm 2018 truy tố Bùi Thị D về tội “ Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Bùi Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Bùi Thị D về tội Môi giới mại dâm và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 328; điểm i, s khoản 1 điều 51 và điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt Bùi Thị D từ 09 - 12 tháng tù về tội Môi giới mại dâm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1208 màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng. và 01 (một) điện thoại di động NOKIA 105, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến và đề nghị kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, của Viện kiểm sát huyện Lương Sơn trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì. Do vậy các Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị D thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quá tang, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút

ngày 09/01/2018 Bùi Thị D đã có hành vi sử dụng điện thoại để dẫn dắt Nguyễn Ngọc D2 bán dâm cho Bùi Trung D1 và bản thân bị cáo Bùi Thị D bán dâm cho Lưu Công T tại phòng 301 và 302 nhà nghỉ M An để hưởng lợi số tiền 4.000.000 đồng, khi D và D2 đang bán dâm thì bị bắt quả tang. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố bị cáo Bùi Thị D về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị D là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng đến an ninh địa phương. Trong vụ án này bị cáo không những thực hiện hành vi dẫn dắt Nguyễn Ngọc D2 để bán dâm để thu lời bất chính, mà bị cáo còn trực tiếp thực hiện hành vi bán dâm. Vì vậy hành vi của bị cáo phải xử lý bằng pháp luật hình sự và có mức án nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét nhân thân bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục bị cáo cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản nên không áp dụng.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) trong đó 3.000.000đồng là tiền bán dâm của D và D2 và 1.000.000đồng tiền môi giới mại dâm. Đây là tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1208 màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động NOKIA 105, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Đây là công cụ bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Bùi Trung D1; Lưu Công T và Nguyễn Ngọc D2 là đối tượng mua, bán dâm . Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lương Sơn đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lưu Công T, Bùi Trung D1, Nguyễn Ngọc D2 nên không đề cập.

Đối với Đặng Đình M là chủ nhà nghỉ M. Khi cho thuê phòng, anh M không biết là Bùi Thị D thực hiện hành vi mua bán dâm nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lương Sơn không xử lý và đề nghị UBND huyện Lương Sơn xử lý hành chính nên không đề cập.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị D phạm tội “ Mối giới mại dâm”.

2. Áp dụng khoản 1 điều 328; điểm i, s khoản 1 điều 51 và điều 65; điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thị D cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).
- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1208 màu đen điện thoại cũ đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động NOKIA 105, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng .

Hiện trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lương Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn ngày 11/4/2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Bùi Thị D phải nộp 200.000đồng án phí hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKS tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Công an huyện Lương Sơn;
- THAHS, DS;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Mai

